

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
QCVN 01-1:2024/BYT				Không có mùi lạ	15	2	6,0-8,5	1	0,9	11	250	300	0,3	0,1	0,01	< 1	< 1	< 1	< 1	0,2-1,0
1	Trạm cấp nước Thụy Khuê																			
1.1	Bơm II Thụy Khuê (1225.60.18)	01/12/2025	1225.2169/10137	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.64	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.1	33.0	202	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0078	0	0	0	0	0.42
1.2	170 Ngọc Hà (1225.60.18.1)	01/12/2025	1225.2169/10138	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.65	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.9	32.0	201	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0075	0	0	0	0	0.26
1.3	267/ 36 Hoàng Hoa Thám (1225.60.18.2)	01/12/2025	1225.2169/10139	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.87	KPH (LOD=0.08)	0.3	1.4	30.0	182	<0.05	0.0066	0.00470	0	0	0	0	0.23
3	Trạm cấp nước Vân Đồn																			
3.1	Bơm II Vân Đồn (1225.60.13)	02/12/2025	1225.2175/10228	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.27	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.30	12.07	157	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0097	0	0	0	0	0.47
3.2	Số 2 Vân Đồn (1225.60.13.1)	02/12/2025	1225.2175/10229	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.42	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.40	10.0	138	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0094	0	0	0	0	0.26
3.3	831 Bạch Đằng (1225.60.13.2)	02/12/2025	1225.2175/10230	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.31	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.30	11.03	158	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0088	0	0	0	0	0.23
4	Trạm cấp nước Đông Mỹ																			
4.1	Bơm II (1225.60.19)	04/12/2025	1225.2190/10355	Không có mùi lạ	< 5	0.312	7.49	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	13.90	98	KPH (LOD=0.01)	0.0314	0.0016	0	0	0	0	0.35
4.2	143 Đông Mỹ (1225.60.19.1)	04/12/2025	1225.2190/10356	Không có mùi lạ	< 5	0.235	7.45	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	13.90	98	<0.05	0.0141	0.0021	0	0	0	0	0.21
4.3	51B đường Trường Thọ (1225.60.19.2)	04/12/2025	1225.2190/10357	Không có mùi lạ	< 5	0.166	7.47	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	13.56	102	KPH (LOD=0.01)	0.0198	0.0017	0	0	0	0	0.21
	Trạm cấp nước Hồng Vân																			
	Bơm II Hồng Vân (1225.60.20)	04/12/2025	1225.2190/10352	Không có mùi lạ	< 5	0.247	7.37	0.78	KPH (LOD=0.02)	1.4	19.66	143	<0.05	<0.0034	0.0066	0	0	0	0	0.32
	Đồ Thị Tho-Vân Hòa-Hồng Vân (1225.60.20.1)	04/12/2025	1225.2190/10353	Không có mùi lạ	< 5	0.361	7.36	KPH (LOD=0.08)	0.15	0.7	20.0	145	<0.05	0.0071	0.0067	0	0	0	0	0.21
	124 Vân Hòa- Hồng Vân (1225.60.20.2)	04/12/2025	1225.2190/10354	Không có mùi lạ	< 5	0.408	7.34	KPH (LOD=0.08)	0.8	2.2	20.68	147	0.05	0.0058	0.0055	0	0	0	0	0.20
5	Trạm cấp nước Bạch Mai																			
5.1	Bơm II Bạch Mai (1225.60.17)	05/12/2025	1225.2202/10443	Không có mùi lạ	< 5	0.167	7.34	0.16	0.16	0.8	9.49	114	<0.05	0.0036	0.0055	0	0	0	0	0.35

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
1	Nhà máy nước Yên Phụ																			
1.1	Bơm II Yên Phụ (1225.60.10)	02/12/2025	1225.2174/10213	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.40	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.0	29.83	205	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0065	0	0	0	0	0.47
1.2	74 Nguyễn Trường Tộ (1225.60.10.1)	02/12/2025	1225.2174/10214	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.35	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.9	31.53	215	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0081	0	0	0	0	0.23
1.3	86 Cửa Bắc (1225.60.10.2)	02/12/2025	1225.2174/10215	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	1.0	29.49	208	<0.05	<0.0034	0.0072	0	0	0	0	0.28
1.4	119 Trúc Bạch (1225.60.10.3)	02/12/2025	1225.2174/10216	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.22	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.3	30.51	214	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0075	0	0	0	0	0.21
1.5	14 Ngũ Xã (1225.60.10.4)	02/12/2025	1225.2174/10217	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.37	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	29.83	219	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0074	0	0	0	0	0.29
1.6	16 Nguyễn Khắc Nhu (1225.60.10.5)	02/12/2025	1225.2174/10218	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.33	KPH (LOD=0.08)	<0.04	0.4	31.19	219	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0058	0	0	0	0	0.22
1.7	55 Phạm Hồng Thái (1225.60.10.6)	02/12/2025	1225.2174/10219	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.38	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	30.51	219	<0.05	<0.0034	0.0069	0	0	0	0	0.20
1.8	60 Nghĩa Dũng (1225.60.10.7)	02/12/2025	1225.2174/10220	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.35	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	31.19	240	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0073	0	0	0	0	0.25
	104 Tân Ấp (1225.60.10.8)	02/12/2025	1225.2174/10221	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.131	7.33	KPH (LOD=0.08)	<0.04	0.4	32.54	207	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0075	0	0	0	0	0.27
2	Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên																			
2.1	Bơm II Ngô Sĩ Liên (1225.60.3)	05/12/2025	1225.2202/10436	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.31	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	22.03	151	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0083	0	0	0	0	0.59
2.2	79B Nguyễn Khuyến - Bệnh viện Đa khoa (1225.60.3.1)	05/12/2025	1225.2202/10437	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.32	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	22.03	153	KPH (LOD=0.01)	0.0093	0.0084	0	0	0	0	0.45
2.3	16B Nguyễn Như Đỗ - Bệnh viện Hồng Hà (1225.60.3.2)	05/12/2025	1225.2202/10438	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.249	7.36	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	20	148	<0.05	0.0084	0.0081	0	0	0	0	0.35
2.4	97/46 ngõ Thịnh Quang (1225.60.3.3)	05/12/2025	1225.2202/10439	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.42	<0.16	0.08	0.5	22.03	151	KPH (LOD=0.01)	0.0091	0.0083	0	0	0	0	0.3
2.5	19 Lương Sư C (1225.60.3.4)	05/12/2025	1225.2202/10440	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.39	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	21.02	159	<0.05	0.0092	0.0078	0	0	0	0	0.4
	147 Hào Nam (1225.60.3.5)	05/12/2025	1225.2202/10441	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.28	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	21.36	148	KPH (LOD=0.01)	0.0088	0.0081	0	0	0	0	0.31
2.6	34A Cát Linh (1225.60.3.6)	05/12/2025	1225.2202/10442	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.29	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	21.36	153	KPH (LOD=0.01)	0.0088	0.0097	0	0	0	0	0.33

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tự cầu vàng	TKMX	
3	Nhà máy nước Mai Dịch																			
3.1	Bơm II Mai Dịch (1225.60.1)	04/12/2025	1225.2199/10393	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.22	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.7	22.37	146	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0097	0	0	0	0	0.65
3.2	102 phố Mai Dịch (1225.60.1.1)	04/12/2025	1225.2199/10394	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.22	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	22.03	159	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0064	0	0	0	0	0.44
3.3	Số 1 Phạm Thận Duật (1225.60.1.2)	04/12/2025	1225.2199/10395	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.42	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.1	102	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0069	0	0	0	0	0.34
3.3	Số 7 ngõ Viện máy Phạm Văn Đồng (1225.60.1.3)	04/12/2025	1225.2199/10396	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.29	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	22.03	145	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0097	0	0	0	0	0.46
3.4	120 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.4)	04/12/2025	1225.2199/10397	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.33	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	22.03	149	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0098	0	0	0	0	0.38
	Nguồn thành phố cấp Goldmark City (1225.60.1.5)	04/12/2025	1225.2199/10398	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.117	7.47	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	23.05	140	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0095	0	0	0	0	0.3
3.5	Số 1 Hồ Tùng Mậu (1225.60.1.6)	04/12/2025	1225.2199/10399	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.241	7.3	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	22.37	142	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0095	0	0	0	0	0.34
4	Nhà máy nước Cáo Đình																			
4.1	Bơm II Cáo Đình (1225.60.4)	03/12/2025	1225.2187/10296	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.11	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	7.46	77	<0.05	<0.0034	0.0026	0	0	0	0	0.75
4.2	Số 2/408 Xuân Đình (1225.60.4.1)	03/12/2025	1225.2187/10297	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.21	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.78	80	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0027	0	0	0	0	0.6
4.3	THCS Xuân La (1225.60.4.2)	03/12/2025	1225.2187/10298	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.05	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.44	83	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0019	0	0	0	0	0.52
4.4	375 Xuân Đình (1225.60.4.3)	03/12/2025	1225.2187/10299	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.122	7.1	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	7.12	92	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.003	0	0	0	0	0.55
4.5	394 Xuân Đình (1225.60.4.4)	03/12/2025	1225.2187/10300	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.469	7.12	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.78	84	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.002	0	0	0	0	0.5
4.7	266 Xuân Đình (1225.60.4.5)	03/12/2025	1225.2187/10301	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.09	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.78	84	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0013	0	0	0	0	0.48
6	Số 6 ngõ 107 Xuân Đình (1225.60.4.6)	03/12/2025	1225.2187/10302	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.21	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.78	90	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0035	0	0	0	0	0.5
	Nhà máy nước Lương Yên																			
6.1	Bơm II Lương Yên 2 (1225.60.5)	02/12/2025	1225.2175/10223	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.71	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.78	105	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0079	0	0	0	0	0.66
6.2	Số 3 Lương Yên (1225.60.5.1)	02/12/2025	1225.2175/10224	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.257	7.65	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.1	126	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0086	0	0	0	0	0.48
6.3	135 Lò Đúc (1225.60.5.2)	02/12/2025	1225.2175/10225	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.61	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.78	110	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0079	0	0	0	0	0.42
6.4	Số 1 Yec Xanh (1225.60.5.3)	02/12/2025	1225.2175/10226	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.54	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.44	111	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0089	0	0	0	0	0.5
6.5	38A Hàng Chuối (1225.60.5.4)	02/12/2025	1225.2175/10227	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.58	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	6.44	111	<0.05	<0.0034	0.0097	0	0	0	0	0.4

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)**

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
7	Nhà máy nước Nam Dư																			
7.1	Bơm II Nam Dư (1225.60.6)	04/12/2025	1225.2190/10358	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.26	0.31	KPH (LOD=0.02)	1.0	18.64	168	KPH (LOD=0.01)	0.0105	0.0079	0	0	0	0	0.55
7.2	129D Trương Đình (1225.60.6.1)	04/12/2025	1225.2190/10359	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.26	0.31	KPH (LOD=0.02)	1.4	8.47	93	KPH (LOD=0.01)	0.0123	0.0033	0	0	0	0	0.28
7.3	Chung cư Lilama 52 Linh Nam (1225.60.6.2)	04/12/2025	1225.2190/10360	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.25	KPH (LOD=0.08)	0.05	0.9	18.98	171	KPH (LOD=0.01)	0.0199	0.0067	0	0	0	0	0.25
7.4	Chung cư Ba Hàng 282 Linh Nam (1225.60.6.3)	04/12/2025	1225.2190/10361	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.16	KPH (LOD=0.08)	0.05	0.7	18.98	181	KPH (LOD=0.01)	0.0159	0.0062	0	0	0	0	0.29
7.5	67A Trương Đình (1225.60.6.4)	04/12/2025	1225.2190/10362	Không có mùi lạ	< 5	0.14	7.46	KPH (LOD=0.08)	<0.04	0.8	15.59	183	KPH (LOD=0.01)	0.0122	0.0047	0	0	0	0	0.31
7.6	Chung cư KLB 279 Hoàng Mai (1225.60.6.5)	04/12/2025	1225.2190/10363	Không có mùi lạ	< 5	0.147	7.24	KPH (LOD=0.08)	0.05	0.7	18.64	160	<0.05	0.0145	0.008	0	0	0	0	0.25
	310 Minh Khai (1225.60.6.6)	04/12/2025	1225.2190/10364	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.42	KPH (LOD=0.08)	0.03	0.8	11.86	175	KPH (LOD=0.01)	0.0133	0.0072	0	0	0	0	0.28
8	Nhà máy nước Tương Mai																			
8.1	Bơm II Tương Mai (1225.60.7)	03/12/2025	1225.2181/10275	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.35	0.39	KPH (LOD=0.02)	0.4	8.81	100	KPH (LOD=0.01)	0.0048	0.0036	0	0	0	0	0.38
8.2	27/259 Phố Vọng (1225.60.7.1)	03/12/2025	1225.2181/10276	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.21	0.23	KPH (LOD=0.02)	1.6	8.14	100	KPH (LOD=0.01)	0.005	0.0034	0	0	0	0	0.2
8.3	103Q5C Nguyễn An Ninh (1225.60.7.2)	03/12/2025	1225.2181/10277	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.22	0.44	KPH (LOD=0.02)	1.4	7.8	104	KPH (LOD=0.01)	0.0044	0.0036	0	0	0	0	0.25
8.4	Số 5 ngách 389/88/4 Trương Đình (1225.60.7.3)	03/12/2025	1225.2181/10278	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.33	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	8.14	102	KPH (LOD=0.01)	0.0039	0.0019	0	0	0	0	0.23
	Chung cư 151 Nguyễn Đức Canh (1225.60.7.4)	03/12/2025	1225.2181/10279	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.21	0.47	KPH (LOD=0.02)	1.6	8.81	104	<0.05	<0.0034	0.0028	0	0	0	0	0.23
9	Nhà máy nước Hạ Đình																			
9.1	Bơm II Hạ Đình (1225.60.8)	05/12/2025	1225.2202/10432	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.27	0.39	KPH (LOD=0.02)	2	16.61	111	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0055	0	0	0	0	0.41
9.2	Nguồn thành phố cấp CC Mĩpec 229 Tây Sơn (1225.60.8.1)	05/12/2025	1225.2202/10433	Không có mùi lạ	< 5	<0.10	7.29	0.39	KPH (LOD=0.02)	1.8	15.25	93	KPH (LOD=0.01)	0.0036	0.0048	0	0	0	0	0.25
9.3	Oriental Tower 324 Tây Sơn (1225.60.8.2)	05/12/2025	1225.2202/10434	Không có mùi lạ	< 5	0.259	7.27	0.39	KPH (LOD=0.02)	2.1	16.95	98	<0.05	0.0043	0.0052	0	0	0	0	0.21
9.4	112D2 Vĩnh Hồ (1225.60.8.3)	05/12/2025	1225.2202/10435	Không có mùi lạ	< 5	0.704	7.24	0.39	KPH (LOD=0.02)	1.9	16.27	99	<0.05	0.0036	0.0041	0	0	0	0	0.28

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)**

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
10	Nhà máy nước Gia Lâm																			
10.1	Bơm II Gia Lâm (1225.60.9)	05/12/2025	1225.2204/10476	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.422	7.77	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	11.72	136	0.05	0.0059	0.0076	0	0	0	0	0.52
10.2	Vinhome Riverdise (1225.60.9.1)	05/12/2025	1225.2204/10478	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.647	7.73	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.7	7.24	144	0.05	0.0101	0.0074	0	0	0	0	0.36
10.3	Số 38 ngõ Kê Tạnh (1225.60.9.2)	05/12/2025	1225.2204/10479	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.354	7.7	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.7	7.24	148	<0.05	0.0102	0.0089	0	0	0	0	0.3
10.4	46/124 Nguyễn Lam (1225.60.9.3)	05/12/2025	1225.2204/10480	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.413	7.78	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	8.28	144	<0.05	0.01	0.0066	0	0	0	0	0.4
10.5	Số 6 phố Kim Quan Thượng (1225.60.9.4)	05/12/2025	1225.2204/10481	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.354	7.77	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	7.24	131	0.05	0.0102	0.0094	0	0	0	0	0.33
	57 Tân Thụy (1225.60.9.5)	05/12/2025	1225.2204/10482	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.382	7.79	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.7	7.93	159	0.05	0.0091	0.0094	0	0	0	0	0.41
10.6	56 Chu Huy Mân (1225.60.9.6)	05/12/2025	1225.2204/10483	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.384	7.78	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	8.97	146	<0.05	0.009	0.0077	0	0	0	0	0.29
11	Nhà máy nước Bắc Thăng Long																			
11.1	Bơm II Bắc Thăng Long (1225.60.11)	01/12/2025	1225.2164/10113	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.51	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	8.81	96	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.001	0	0	0	0	0.54
11.2	Chung cư IntraCom (1225.60.11.1)	01/12/2025	1225.2164/10115	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.118	7.52	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	5.76	106	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0015	0	0	0	0	0.23
11.3	121 xóm 2 Khu Tài Định cư Ngọc Giang (1225.60.11.2)	01/12/2025	1225.2164/10116	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.62	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	5.76	100	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0016	0	0	0	0	0.21
11.5	Thanh Nghĩa khu X2 Đông Trù (1225.60.11.3)	01/12/2025	1225.2164/10117	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.71	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.8	6.1	109	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0016	0	0	0	0	0.24
11.6	Nguyễn Xuân Trường đội 10 Hậu Đường (1225.60.11.4)	01/12/2025	1225.2164/10118	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.68	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.1	106	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0009	0	0	0	0	0.26
11.7	Trần Văn Thềm đội 10 Hậu Đường (1225.60.11.5)	01/12/2025	1225.2164/10119	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.67	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.9	8.47	105	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	<0.0007	0	0	0	0	0.24
11.8	Số 15X2 Đông Trù (1225.60.11.6)	01/12/2025	1225.2164/10120	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.74	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	7.46	99	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0008	0	0	0	0	0.22
11.9	15 Trường Sa (1225.60.11.7)	01/12/2025	1225.2164/10121	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.78	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	7.12	113	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0017	0	0	0	0	0.21
12	Số 4 Khu Tài Định Cư Đông Hội (1225.60.11.8)	01/12/2025	1225.2164/10122	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	0.367	7.86	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	5.76	104	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0016	0	0	0	0	0.21
12.1	Đình Văn Phú 125 Ngọc Chi (1225.60.11.9)	01/12/2025	1225.2164/10123	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.77	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.7	5.76	105	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0014	0	0	0	0	0.22
12.2	Nguyễn Văn Trinh Đội 8 Hậu Đường (1225.60.11.10)	01/12/2025	1225.2164/10124	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.83	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	6.44	97	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0010	0	0	0	0	0.23
12.3	37 Trường Sa - Đông Trù (1225.60.11.11)	01/12/2025	1225.2164/10125	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.78	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.6	6.67	100	<0.05	<0.0034	0.0015	0	0	0	0	0.21
	Lê Thị Ánh Đội 8 Hậu Đường (1225.60.11.12)	01/12/2025	1225.2164/10126	Không có mùi lạ	KPH (LOD=3 TCU)	<0.10	7.74	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	10.67	102	KPH (LOD=0.01)	<0.0034	0.0008	0	0	0	0	0.25

**CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 11/2025)**

KẾT QUẢ RA PHIẾU THÁNG 12.2025																				
STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi, vị	Màu sắc	Độ Đục	pH	Amoni	Nitrit	Nitrat	Clorua	Độ cứng	FeTP	Mn	As	Vi sinh				Clo dư
																Coliforms	E.coli	Tụ cầu vàng	TKMX	
12	Nhà máy nước Pháp Vân																			
12.1	Bơm II (1225.60.12)	03/12/2025	1225.2181/10281	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.41	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	9.83	97	KPH (LOD=0.01)	0.0047	0.0013	0	0	0	0	0.44
12.2	Chung cư Vinh Hạnh - Thanh Trì (1225.60.12.1)	03/12/2025	1225.2181/10282	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.42	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	10.17	95	KPH (LOD=0.01)	0.0057	0.0022	0	0	0	0	0.26
12.3	Chung cư Hòa Phát - 493 Trương Định (1225.60.12.2)	03/12/2025	1225.2181/10283	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.117	7.41	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	9.15	95	KPH (LOD=0.01)	0.0072	0.0019	0	0	0	0	0.3
12.4	Chung cư 60 Nguyễn Đức Cảnh (1225.60.12.3)	03/12/2025	1225.2181/10284	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.52	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.5	9.83	97	KPH (LOD=0.01)	0.0067	0.0013	0	0	0	0	0.21
12.5	Chung cư Phương Đông - Số 1 Trần Thủ Độ (1225.60.12.4)	03/12/2025	1225.2181/10285	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	<0.10	7.61	KPH (LOD=0.08)	KPH (LOD=0.02)	0.4	9.15	100	KPH (LOD=0.01)	0.0063	0.0011	0	0	0	0	0.31
13	Nhà máy nước Ngọc Hà																			
13.1	Bơm II Ngọc Hà (1225.60.2)	02/12/2025	1225.2174/10208	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.332	7.42	0.47	0.14	3.6	30.51	121	KPH (LOD=0.01)	0.0134	0.0018	0	0	0	0	0.38
13.2	288 Đội Cấn (1226.60.2.1)	02/12/2025	1225.2174/10209	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.263	8.23	0.16	0.14	3.2	30.51	119	<0.05	0.0188	0.0013	0	0	0	0	0.22
13.3	107 Đốc Ngữ (1225.60.2.2) -	02/12/2025	1225.2174/10210	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.315	8.14	KPH (LOD=0.08)	0.14	2.9	30.17	121	KPH (LOD=0.01)	0.0229	0.0019	0	0	0	0	0.2
13.3	Số 12 ngõ 12 Đào Tấn (1225.60.2.3)	02/12/2025	1225.2174/10211	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.215	8.12	KPH (LOD=0.08)	0.14	2.2	30.51	125	KPH (LOD=0.01)	0.0188	0.0017	0	0	0	0	0.2
	Số 8 ngõ 7 Phan Kế Bính (1225.60.2.4)	02/12/2025	1225.2174/10212	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3 TCU)	0.277	8.05	KPH (LOD=0.08)	0.1	2.6	30.17	121	KPH (LOD=0.01)	0.0156	0.0018	0	0	0	0	0.23